

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN DƯƠNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11-6-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tươi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hằng - Cán bộ Tòa án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 438/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Lưu Văn T; nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

***- Bị đơn:*** Chị Vũ Thị N; nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn là anh Lưu Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống tại gia đình anh ở thôn N, xã A,

huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc vui vẻ đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, chị N có quan hệ không đứng đắn với người khác nên dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra va chạm bất hòa căng thẳng. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng anh đã sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Nay anh xét thấy không còn tình cảm với chị N, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống đoàn tụ với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị N.

Về con chung: Anh và chị Vũ Thị N có 01 con chung là Lưu Thị Khánh L, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2014. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về tài sản chung: Anh và chị Vũ Thị N không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là chị Vũ Thị N trình bày:*

Chị Vũ Thị N xác định lời trình bày của anh Lưu Văn T về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng là đầy đủ, chính xác. Nay anh Thuận yêu cầu xin ly hôn với lý do không còn tình cảm, chị cũng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên ly hôn vì vợ chồng chị đã ly thân, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã kéo dài không thể khắc phục đoàn tụ được, tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Lưu Văn T được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Lưu Văn T có 01 con chung là Lưu Thị Khánh L, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2014. Anh Lưu Văn T có yêu cầu nuôi con chung chị không đồng ý vì anh T không có việc làm ổn định, không có thu nhập nên việc nuôi dưỡng con chung là không đảm bảo. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Lưu Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung: Chị và anh Lưu Văn T không có tài sản chung, chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét xử tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, lời khai của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Lưu Văn T được thuận tình ly hôn với chị Vũ Thị N.

Về con chung: Giao con chung Lưu Thị Khánh L, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2014 cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, không xem xét giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Lưu Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của anh Lưu Văn T và chị Vũ Thị N về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng sự thật. Quá trình chung sống hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc vợ chồng bất hòa căng thẳng dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn sự thương yêu, tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án anh T và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục đoàn tụ được, cuộc sống chung không có hạnh phúc và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh Lưu Văn T và chị Vũ Thị N đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn do đó yêu cầu xin ly hôn anh T và chị N đưa ra là tự nguyện, có căn cứ, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân theo quy định tại Điều 51 và Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Anh Lưu Văn T và chị Vũ Thị N có 01 con chung là Lưu Thị Khánh L, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2014. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Lưu Văn T và chị Vũ Thị N đều có nguyện vọng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Xét về điều kiện thu nhập của hai bên: Anh Lưu Văn T hiện

nay là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Chị Vũ Thị N hiện nay đang làm công nhân, mức lương khoảng 9.000.000đồng/01 tháng, thu nhập ổn định. Hơn nữa cháu Lưu Thị Khánh L là con gái, cháu còn nhỏ, quá trình phát triển tâm sinh lý nếu có sự chăm sóc, quan tâm và giáo dục của người mẹ sẽ tốt hơn. Xét thấy chị Vũ Thị N có điều kiện chăm sóc con chung tốt hơn anh Lưu Văn T. Để đảm quyền lợi cho trẻ em sau khi ly hôn ổn định cho cuộc sống hiện tại, tương lai và những phát triển về tâm sinh lý cũng như đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung sau này. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Vũ Thị N, giao con chung Lưu Thị Khánh L, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2014 cho chị Vũ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Vũ Thị N không yêu cầu anh Lưu Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi chị N có yêu cầu. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Anh Lưu Văn T và chị Vũ Thị N đều có quan điểm anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung, sau này nếu hai bên có tranh chấp Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Anh Lưu Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điều 28, 70, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

#### ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lưu Văn T và chị Vũ Thị N.

2. Về con chung: Giao con chung Lưu Thị Khánh L, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2014 cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con chung, Tòa án không xem xét giải quyết. Thời hạn nuôi con tính từ ngày Bản

án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lưu Văn T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Anh Lưu Văn T đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương (Biên lai thu tiền số 0004571 ngày 09 tháng 12 năm 2019) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- UBND xã A (nơi ĐKKH);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Tươi**